

Số: 39 /2021/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng
Cơ sở dữ liệu về thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng,
giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công
chứng;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về
cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và
chứng thực hợp đồng, giao dịch;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Công chứng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 161/TTr-STP ngày
09 tháng 11 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Công an; Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; Cơ quan thi hành án dân sự, Chủ tịch Hội Công chứng viên; Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 / 12 / 2021.

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 3
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Trung tâm Công báo tin học (Đăng Công báo);
- Lưu: VT, NC (T). *h*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *h*



Cao Xuân Thu Vân

QUY CHẾ

Quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, tiếp nhận, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực khi thực hiện công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch tài sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức: Sở Tư pháp; Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Công an; Tòa án nhân dân; Viện Kiểm sát nhân dân; Cơ quan thi hành án dân sự; Hội Công chứng viên tỉnh Bạc Liêu; Phòng Tư pháp cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở dữ liệu về thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực (viết tắt là CSDL) là hệ thống CSDL quản lý thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trên cơ sở quy định của pháp luật về

công chứng, chứng thực và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch tài sản được chặt chẽ, đúng pháp luật, đảm bảo an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa tranh chấp, CSDL bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng hợp đồng, giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch tài sản được công chứng, chứng thực và các thông tin khác có liên quan.

2. *Thông tin ngăn chặn (viết tắt là TTNC)* là thông tin bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật, yêu cầu không thực hiện hoặc tạm dừng công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch tài sản liên quan đến tài sản cá nhân, tổ chức. Văn bản ngăn chặn là cơ sở pháp lý để công chứng viên, công chức Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xem xét, việc không thực hiện công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch tài sản có liên quan.

3. *Thông tin giải tỏa ngăn chặn (viết tắt là TTGTNC)* là thông tin bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền có nội dung hủy bỏ việc ngăn chặn của chính cơ quan, người có thẩm quyền đó hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác trong trường hợp pháp luật có quy định.

4. *Thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản (viết tắt là TTHĐGD)* là thông tin do công chứng viên hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, công chức Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đã thực hiện chứng nhận hợp đồng, giao dịch.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng CSDL

1. Việc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng CSDL phải được thực hiện theo quy định của Luật Công chứng năm 2014; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế này.

2. Việc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng CSDL phải đúng mục đích, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, bảo đảm an toàn, an ninh

thông tin và lưu trữ lâu dài, tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu, khai thác, sử dụng cho hoạt động công chứng, chứng thực.

3. Việc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng CSDL phải được phân định quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng theo nhiệm vụ của từng cá nhân, cơ quan, tổ chức trong thực hiện một hoặc các khâu riêng biệt trong việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, khai thác và sử dụng CSDL.

Điều 4. Nguồn dữ liệu công chứng, chứng thực để xây dựng CSDL

1. Hợp đồng, giao dịch tài sản đã được công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng.

2. Hợp đồng, giao dịch tài sản đã được chứng thực tại Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Văn bản cung cấp thông tin, yêu cầu, đề nghị ngăn chặn, dừng hoặc tạm dừng giao dịch; văn bản thay đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt các văn bản nêu trên của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

4. Các nguồn thông tin khác về tài sản.

Điều 5. Các trường hợp được cấp, cấp lại tài khoản truy cập vào CSDL

1. Sở Tư pháp có thẩm quyền và trách nhiệm cấp và cấp lại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trên cơ sở đề nghị hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công chứng, chứng thực, công tác quản lý nhà nước và các hoạt động tổ tụng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản được cấp và chịu trách nhiệm về mọi tác động của tài khoản được cấp đối với CSDL; cập nhật các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã được công chứng, chứng thực vào CSDL.

Điều 6. Các trường hợp bị khóa tài khoản truy cập vào CSDL

1. Theo đề nghị của người có thẩm quyền về việc khóa tài khoản đã cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý CSDL hoặc thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động công chứng, chứng thực.

2. Theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản đối với CSDL.

3. Tổ chức hành nghề công chứng được chuyển nhượng, bị giải thể, bị chấm dứt hoạt động; Trưởng Văn phòng công chứng đã chấm dứt hành nghề công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

4. Cá nhân đã được cấp tài khoản thay đổi công tác, nghỉ việc, nghỉ hưu, chết.

5. Cá nhân, tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định sau đây:

a) Truy cập vào CSDL bằng tài khoản của người khác hoặc để cho người khác sử dụng tài khoản của mình truy cập vào CSDL;

b) Truy cập vào CSDL để thực hiện các công việc không được giao nhiệm vụ;

c) Sửa đổi, xóa bỏ thông tin trong CSDL; làm biến dạng giao diện, làm sai lệch hệ thống quản trị, thay đổi cấu trúc dữ liệu hay bất kỳ hành vi nào khác tác động đến thông tin có trong CSDL;

d) Thay đổi quy trình khai thác, quản lý, sử dụng CSDL khi chưa được cơ quan có thẩm quyền có văn bản thống nhất;

đ) Sử dụng thông tin có trong CSDL cho mục đích trái pháp luật, mục đích khác không phục vụ cho hoạt động công chứng, chứng thực của tổ chức mình hay hoạt động quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực hoặc hoạt động tố tụng.

e) Tiết lộ trái pháp luật các thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản và các thông tin khác mà mình biết được trong quá trình khai thác, sử dụng, quản lý CSDL;

g) Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng CSDL của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;

h) Những hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong sử dụng CSDL

1. Đối với cơ quan, tổ chức

a) Các cơ quan, tổ chức được quyền truy cập, tra cứu các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin về công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch tài sản trong CSDL để thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức mình.

b) Các cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ: Bảo đảm cơ sở vật chất, đường truyền để cài đặt, sử dụng CSDL theo hướng dẫn của Sở Tư pháp; cài đặt các chương trình kiểm tra, bảo vệ trên các thiết bị truy cập CSDL; cử người thực hiện công chứng, chứng thực và những người khác tham gia đào tạo sử dụng, khai thác CSDL do Sở Tư pháp tổ chức; kịp thời phối hợp, thông tin, khắc phục các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng CSDL; có trách nhiệm bảo mật đối với mật khẩu và tên truy cập vào CSDL đã được cung cấp; thông báo ngay cho Sở Tư pháp nếu để lộ, mất mật khẩu, mất tên tài khoản; bảo quản chặt chẽ, an toàn đối với hồ sơ công chứng, chứng thực, văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn nhận được theo đúng quy định; các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cá nhân thực hiện nhiệm vụ được giao

a) Cá nhân được quyền truy cập, sử dụng CSDL khi thụ lý, giải quyết yêu cầu công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch tài sản;

b) Cá nhân có nghĩa vụ thực hiện cập nhật thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã giải quyết vào CSDL đảm bảo đầy đủ, kịp thời cùng với việc giải quyết hồ sơ trên thực tế; tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, khai thác CSDL do Sở Tư pháp tổ chức; chịu trách nhiệm bảo quản, bảo mật đối với mật khẩu và tên truy cập CSDL đã được cung cấp; các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Lưu trữ

1. Định kỳ 6 tháng Sở Tư pháp và các tổ chức hành nghề công chứng, đơn vị chứng thực thực hiện việc sao lưu dữ liệu các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin các hợp đồng, giao dịch tài sản đã được công chứng, chứng thực.

2. Các hợp đồng, giao dịch tài sản đã được công chứng, chứng thực dưới dạng văn bản giấy phải được lưu trữ, bảo quản tại các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Các văn bản về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn dưới dạng văn bản giấy phải được lưu trữ, bảo quản tại các cơ quan, đơn vị phát hành thông tin và Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY TRÌNH CUNG CẤP, TIẾP NHẬN, CẬP NHẬT, KHAİ THÁC VÀ SỬ DỤNG CSDL

Điều 9. Việc cung cấp và tiếp nhận các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn

1. Sở Tư pháp là cơ quan tiếp nhận văn bản về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan Công an, Cơ quan thi hành án dân sự và các Sở, Ban, Ngành có liên quan cung cấp văn bản về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính pháp lý của thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn do cơ quan mình cung cấp.

Điều 10. Việc cập nhật các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn vào CSDL

1. Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan Công an, Cơ quan thi hành án dân sự, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ban, Ngành có liên quan có thẩm quyền ban hành các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn thực hiện cập nhật vào CSDL và gửi văn bản về Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Thực hiện cập nhật các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn do các cơ quan, tổ chức ngoài tỉnh cung cấp;

b) Thực hiện kiểm tra tính pháp lý thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn do các cơ quan, tổ chức trong tỉnh cung cấp và duyệt thông tin vào CSDL để phục vụ cho việc tra cứu theo quy định.

3. Đơn vị thi công phần mềm CSDL thực hiện cập nhật các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn trước đây đang lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức vào CSDL trước khi vận hành CSDL.

Điều 11. Cập nhật thông tin về công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch tài sản vào CSDL

1. Các Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện cập nhật các hợp đồng, giao dịch tài sản ngay khi đã được công chứng, chứng thực vào CSDL.

2. Đơn vị thi công phần mềm CSDL có trách nhiệm thực hiện cập nhật các hợp đồng, giao dịch tài sản đã được công chứng, chứng thực đang lưu trữ tại các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã vào CSDL trước khi vận hành CSDL.

Điều 12. Sửa chữa, bổ sung, thay đổi, xóa các thông tin đã cập nhật trong CSDL

1. Việc sửa chữa, bổ sung, thay đổi, xóa các thông tin được phát hiện trong quá trình nhập thông tin vào CSDL (thông tin chưa được chuyển vào dữ liệu tra cứu), người thực hiện cập nhật chủ động sửa chữa đảm bảo chính xác hoặc thực hiện việc xóa thông tin sai sót.

2. Đối với các sai sót được phát hiện sau khi thông tin được chuyển vào CSDL để tra cứu thông tin thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gửi văn bản, photo kèm những tài liệu gửi về Sở Tư pháp để kiểm tra, phê duyệt và thực hiện sửa chữa, bổ sung, thay đổi, xóa các thông tin theo quy định.

Điều 13. Thời hạn cập nhật thông tin vào CSDL

1. Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan Công an, Cơ quan thi hành án dân sự và các Sở, Ban, Ngành có liên quan thực hiện cập nhật ngay trong ngày ban hành thông tin. Trong trường hợp văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn ký ban hành sau 16 giờ 30 phút thì văn bản sẽ được cập nhật vào đầu giờ làm việc buổi sáng của ngày làm việc tiếp theo.

2. Đối với các thông tin do các cơ quan, tổ chức ngoài tỉnh gửi đến Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật ngay trong ngày nhận được văn bản.

3. Các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cập nhật ngay các hợp đồng, giao dịch tài sản khi đã được công chứng, chứng thực vào CSDL.

Điều 14. Tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin CSDL

1. Các Tổ chức hành nghề công chứng thực hiện tra cứu các thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và thông tin hợp đồng giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trên CSDL để thực hiện công chứng đối với các hợp đồng, giao dịch tài sản; việc khai thác, sử dụng thông tin trên phần mềm CSDL các tổ chức hành nghề công chứng phải chi trả một khoản phí theo quy định để bảo trì, nâng cấp và vận hành CSDL đảm bảo CSDL vận hành thông suốt và liên tục.

2. Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tra cứu các thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và thông tin hợp đồng giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trên CSDL trước khi thực hiện chứng thực đối với các hợp đồng, giao dịch tài sản.

3. Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an, Cơ quan thi hành án dân sự, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ban, Ngành có liên quan tiến hành tra cứu các thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và thông tin hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trên CSDL để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm quản lý, tiếp nhận, cập nhật các thông tin CSDL; thực hiện cấp, khóa tài khoản đăng nhập và phân quyền cập nhật, khai thác và sử dụng CSDL cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thực hiện sao lưu, lưu trữ thông tin định kỳ.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định mức thu - chi về phí khai thác, tra cứu, sử dụng các thông tin trên CSDL theo quy định của pháp luật.

3. Theo dõi tình hình thực hiện Quy chế, định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Công an tỉnh

1. Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy chế và chỉ đạo cơ quan, các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc cung cấp và cập nhật các văn bản về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định mức thu - chi về phí khai thác, sử dụng CSDL về thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch

Có trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp máy chủ đảm bảo máy chủ vận hành thông suốt, liên tục và an toàn dữ liệu trong suốt quá trình vận hành.

Điều 19. Trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức triển khai và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý trong Quy chế này.

2. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật văn bản về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Hội Công chứng viên tỉnh Bạc Liêu

1. Phối hợp với Sở Tư pháp triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả CSDL đến các tổ chức hành nghề công chứng.

2. Tuyên truyền cho các Công chứng viên là Hội viên của tổ chức mình và các tổ chức hành nghề công chứng hiểu, thực hiện nghiêm Quy chế nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh; thông tin đến Sở Tư pháp để có biện pháp xử lý đối với hành vi không chia sẻ thông tin kịp thời, không trung thực hoặc hành vi vi phạm khác liên quan đến CSDL làm ảnh hưởng đến hoạt động công chứng, chứng thực, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, an toàn pháp lý trong các hợp đồng, giao dịch, tài sản.

Điều 21. Trách nhiệm của các Tổ chức hành nghề công chứng

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này, có trách nhiệm bảo mật đối với mật khẩu và tên truy cập vào CSDL đã được cung cấp; thông báo ngay cho Sở Tư pháp nếu để lộ, mất mật khẩu, mất tên tài khoản.

2. Bảo đảm cơ sở vật chất, đường truyền để cài đặt, sử dụng CSDL theo hướng dẫn của Sở Tư pháp.

3. Thực hiện cập nhật ngay các thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản khi đã công chứng đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm đối với các thông tin đã cập nhật vào CSDL.

4. Báo cáo kịp thời bằng văn bản về Sở Tư pháp đối với các trường hợp thay đổi, sửa chữa, xóa thông tin hợp đồng, giao dịch tài sản đã được công chứng đã được cập nhật vào CSDL.

5. Tra cứu các thông tin ngăn chặn thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực trong CSDL để thực hiện công chứng khi được yêu cầu.

6. Phải trả chi phí khai thác, sử dụng phần mềm CSDL về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và chỉ đạo Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Bố trí kinh phí bảo trì, sửa chữa máy vi tính, trang thiết bị và nâng cấp đường truyền để cài đặt, sử dụng CSDL tại Phòng Tư pháp cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để tra cứu, cập nhật thông tin về hợp đồng giao dịch tài sản đã được chứng thực theo quy định tại Quy chế này.

Điều 23. Trách nhiệm Phòng Tư pháp cấp huyện

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Có trách nhiệm bảo mật đối với tài khoản, mật khẩu và tên truy cập vào CSDL đã được cung cấp; thông báo ngay cho Sở Tư pháp nếu để lộ, mất mật khẩu, mất tên tài khoản.

3. Cử công chức tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, khai thác CSDL do Sở Tư pháp tổ chức.

4. Bộ trí công chức thực hiện cập nhật ngay các thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản khi đã được chứng thực đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm đối với các thông tin đã cập nhật vào CSDL; thực hiện tra cứu các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và các thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực để thực hiện chứng thực khi được yêu cầu.

Điều 24. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này

2. Có trách nhiệm bảo mật đối với tài khoản, mật khẩu và tên truy cập vào CSDL đã được cung cấp; thông báo ngay cho Sở Tư pháp nếu để lộ, mất mật khẩu, mất tên tài khoản.

3. Cử công chức Tư pháp - Hộ tịch tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, khai thác CSDL do Sở Tư pháp tổ chức.

4. Bộ trí công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện cập nhật ngay các thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã được chứng thực đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm đối với các thông tin đã cập nhật vào CSDL; thực hiện tra cứu các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và các thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực để thực hiện chứng thực khi được yêu cầu.

Điều 25. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cơ quan thi hành án dân sự

1. Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy chế và chỉ đạo cơ quan, các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc cung cấp và cập nhật các văn bản về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.